

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 273/2018/HNGĐ- ST

Ngày: 28/3/2018

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Loan

2. Ông Danh Cư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngon - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 785/2017/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 06/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST- HNGĐ ngày 05/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T, sinh năm T

Địa chỉ: Số H đường P, Phường T, Quận T, Thành phố M

Địa chỉ liên lạc: Số C đường V, Phường M, Quận T, Thành phố M.

(Có mặt)

Bị đơn: Ông V, sinh năm B

Địa chỉ thường trú: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh P.

Nơi làm việc: Công ty TNHH P. Địa chỉ: Số B Đường H, Phường S, Quận M, Thành phố M.

Liên lạc: Số C đường V, Phường M, Quận T, Thành phố M

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà T trình bày:

Tôi và anh V sống chung năm 1999 có đăng ký kết hôn số 24; Quyền số 02 ngày 27/10/1999 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh P. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc do vợ chồng tôi không phù hợp về cách sống, không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã ,xúc phạm lẫn nhau. Tôi đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Tôi không còn tình cảm với anh V. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh V. Vợ chồng tôi có hai con chung tên D, sinh ngày BBK và H, sinh ngày HBM, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi hai con. Tôi không đồng ý giao con chung là trẻ H cho anh V nuôi dưỡng vì con còn quá nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ. Nếu anh V muốn nuôi con thì anh V nuôi con chung là trẻ D, cháu đã lớn có thể tự chăm sóc bản thân, anh V chỉ cần đóng tiền học cho con. Về tài sản chung không có. Vợ chồng tôi không có nợ chung.

Bị đơn: Ông V vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại biên bản hòa giải ngày 24/8/2017 có trình bày: Tôi và cô T sống chung năm 1999 có đăng ký kết hôn, có 02 con chung tên D, sinh ngày BBK và H, sinh ngày HBM. Tôi rất thương yêu vợ con, làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha. Thực tế trong cuộc sống vợ chồng cũng có những lúc gây cãi, vợ tôi không bỏ qua tôi cũng đành chịu. Tôi cũng về nhà bên vợ nhờ bên vợ hòa giải nhưng vợ tôi không đồng ý. Vợ tôi cương quyết ly hôn thì tôi cũng đành chịu vì không thể kéo vợ tôi về nhưng tôi không đồng ý ký ly hôn. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ tôi ly hôn thì tôi yêu cầu mỗi người nuôi một con, tôi xin nuôi con tên H, sinh ngày HBM, cô T nuôi con tên D, sinh ngày BBK, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Tôi và cô T không có tài sản chung và không có nợ chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn tuân thủ pháp luật, không có vi phạm tố tụng. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn của bà T thì đây là vụ án dân sự tranh chấp về ly hôn, trong đó bị đơn cư trú tại Quận 8. Vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng:

Bị đơn ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông V.

[3]. Về các yêu cầu và trách nhiệm của các đương sự :

Về hôn nhân: bà T và ông V sống chung năm 1999 có đăng ký kết hôn số 24; Quyền số 02 ngày 27/10/1999 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh P nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà T và ông V tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng

hai bên không thống nhất được việc giải quyết vụ án. Bà T xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt, bà T không còn tình cảm với ông V, không thể kéo dài đời sống chung nên cương quyết xin ly hôn. Bản thân ông V không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có mặt tại phiên tòa giải quyết quan hệ hôn nhân của ông và bà T chứng tỏ ông V không còn tha thiết duy trì quan hệ hôn nhân với bà T. Có cơ sở xác định cuộc sống gia đình của ông V và bà T không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn ông V của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy ông V và bà T có hai con chung tên D, sinh ngày BBK và H, sinh ngày HBM. Việc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là nghĩa vụ và quyền lợi của cha mẹ. Xét tình trạng thực tế hiện nay 02 con chung đang sống cùng với bà T. Bà T có yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung. Con chung tên D có nguyện vọng được sống chung với cả cha và mẹ, ông V chưa có nơi cư trú ổn định vì vậy tiếp tục giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Xét bà T không có yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông V đến khi bà T có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T tự khai không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử vắng mặt đối với ông V

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông V.
- Về con chung: Giao cho bà T trực tiếp nuôi hai con chung tên D, sinh ngày BBK và H, sinh ngày HBM. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông V đến khi bà T có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc đóng góp phí tồn nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung : Bà T khai không có nên Tòa không đặt vấn đề giải quyết.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0013135 ngày 25/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Bà T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông V vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THA DS Q8;
- UBND xã.T huyện.N tỉnh.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thúy Hòa